

NỘI DUNG TUẦN 9 TOÁN 6

SỐ HỌC:

LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

Bài 1: Thực hiện phép tính:

$$\begin{array}{llll} 1) \frac{5}{2} - \frac{-7}{2} & 2) \frac{-8}{7} - \frac{-6}{7} & 3) \frac{-3}{-7} - \frac{4}{-7} & 4) \frac{9}{-4} - \frac{-11}{-4} \\ 5) \frac{1}{3} - \frac{2}{5} & 6) \frac{-2}{7} - \frac{4}{-5} & 7) \frac{5}{-3} - \frac{-7}{6} & 8) \frac{4}{-3} - \frac{3}{27} \end{array}$$

Bài 2: Tìm x, biết:

$$\begin{array}{lll} 1) x + \frac{1}{3} = \frac{-7}{3} & 2) \frac{2}{3} + x = \frac{7}{3} & 3) x + \frac{2}{7} = \frac{5}{7} \\ 4) x + \frac{1}{2} = \frac{-5}{3} & 5) \frac{1}{3} - x = \frac{3}{5} & 6) \frac{5}{12} - x = \frac{-1}{3} \end{array}$$

§ 10: PHÉP NHÂN PHÂN SỐ

1. Quy tắc:

Muốn nhân hai phân số, ta nhân các tử với nhau và nhân các mẫu với nhau.

$$\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{a.c}{b.d} \quad (a, b, c, d \in \mathbb{Z}; b, d \neq 0)$$

Ví dụ:

$$\frac{-3}{5} \cdot \frac{4}{-7} = \frac{(-3).4}{5.(-7)} = \frac{-12}{-35} = \frac{12}{35}$$

?1 / 35

$$a) \frac{3}{4} \cdot \frac{5}{7} = \frac{3 \cdot 5}{4 \cdot 7} = \frac{15}{28}$$

$$b) \frac{3}{10} \cdot \frac{25}{42} = \frac{3 \cdot 25}{10 \cdot 42} = \frac{1 \cdot 5}{2 \cdot 14} = \frac{5}{28}$$

?2 / 36

$$a) \frac{-5}{11} \cdot \frac{4}{13} = \frac{-5 \cdot 4}{11 \cdot 13} = \frac{-20}{143}$$

$$b) \frac{-6}{35} \cdot \frac{-49}{54} = \frac{(-6) \cdot (-49)}{35 \cdot 54} = \frac{(-1) \cdot (-7)}{5 \cdot 9} = \frac{7}{45}$$

?3 / 36

$$a) \frac{-28}{33} \cdot \frac{-3}{4} = \frac{(-28) \cdot (-3)}{33 \cdot 4} = \frac{(-7) \cdot (-1)}{11 \cdot 1} = \frac{7}{11}$$

$$b) \frac{15}{-17} \cdot \frac{34}{45} = \frac{15 \cdot 34}{-17 \cdot 45} = \frac{1 \cdot 2}{-1 \cdot 3} = \frac{2}{-3} = -\frac{2}{3}$$

$$c) \left(\frac{-3}{5} \right)^2 = \left(\frac{-3}{5} \right) \cdot \left(\frac{-3}{5} \right) = \frac{(-3) \cdot (-3)}{5 \cdot 5} = \frac{9}{25}$$

2. Nhận xét:

Muốn nhân một số nguyên với một phân số (hoặc một phân số với một số nguyên), ta nhân số nguyên với tử của phân số và giữ nguyên mẫu.

$$a \cdot \frac{b}{c} = \frac{a \cdot b}{c} \quad (a, b, c \in \mathbb{Z}; c \neq 0)$$

?4 / 36

$$a) -2 \cdot \frac{-3}{7} = \frac{(-2) \cdot (-3)}{7} = \frac{6}{7}$$

$$b) \frac{5}{33} \cdot (-3) = \frac{5 \cdot (-3)}{33} = \frac{5 \cdot (-1)}{11} = \frac{-5}{11}$$

$$c) \frac{-7}{31} \cdot 0 = \frac{-7 \cdot 0}{31} = \frac{0}{31} = 0$$

Dặn dò: Học Sinh học thuộc quy tắc, nhận xét và giải bài 69/36; 71/37 SGK vào tập bài tập.

HÌNH HỌC

BÀI TẬP LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1: Trên cùng nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ hai tia Oy và Oz sao cho $\widehat{xOy} = 70^\circ$ và

$$\widehat{xOz} = 140^\circ.$$

- Trong 3 tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính $\widehat{yOz}$.
- Chứng tỏ tia Oy là tia phân giác của $\widehat{xOz}$.
- Gọi Ot là tia đối của tia Oy. Tính $\widehat{tOz}$.
- Trên nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng yt không chứa tia Oz, vẽ tia Om sao cho $\widehat{tOm} = 40^\circ$. Tính $\widehat{xOm}$.

Bài 2: Trên cùng nửa mặt phẳng bờ chứa tia OA, vẽ hai tia OB và OC sao cho

$$\widehat{AOB} = 35^\circ \text{ và } \widehat{AOC} = 70^\circ.$$

- Trong 3 tia OA, OB, OC tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính $\widehat{BOC}$.
- Chứng tỏ tia OB là tia phân giác của $\widehat{AOC}$.
- Gọi OD là tia đối của tia OB. Tính $\widehat{DOC}$.
- Trên nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng BD không chứa tia OC, vẽ tia OE là tia phân giác của $\widehat{DOA}$. Tính $\widehat{BOE}$.

